TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 28-8-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*** **có*:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Nguyễn Quang Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh "có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Phạm Hoài H, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp BB, xã HT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2018 và bản tự khai ngày 19-6-2018- nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HT vào năm 2004. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha chồng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng làm nghề cạo mũ cao su. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được

khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H thường xuyên rượu chè, cá độ bóng đá. Chị khuyên can nhiều lần và đã trả nợ cho anh rất nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Từ khi ly thân, chồng cũng nhiều lần đến nhà năn nỉ nhưng chị nH thấy anh vẫn không thay đổi, do đó, chị không đồng ý đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Anh K, sinh ngày 24/10/2003, hiện đang sống với anh H.

Về tài sản chung: 01 căn nhà tường chưa tô xây trên đất của cha chồng; 200 gốc cao su 10 năm tuổi; 02 con bò đực; 01 xe mô tô Air Blade, biển số 70L1 -262.55. Chị quản lý sử dụng xe mô tô; còn các tài sản khác do anh H quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung: theo nguyện vọng của con. Nếu con chung theo chị nuôi thì chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Hoài H trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản và nợ chung là đúng. Anh thừa nhận có thường xuyên rượu chè. Anh có tham gia cá độ bóng đá nhưng không thường xuyên. Vợ có trả nợ cho anh 01 – 02 lần mỗi lần từ 02 – 03 triệu đồng.

Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Anh hứa sẽ bớt uống rượu và từ bỏ cá độ bóng đá để vợ chồng đoàn tụ xây dựng gia đình.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì về con chung: theo nguyện vọng của con. Nếu con chung theo anh nuôi thì anh không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H.

Về con chung: Giao cháu K cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh H thường xuyên rượu chè; ngoài ra còn cờ bạc. Chị L đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Qua xác minh chính quyền địa phương cho thấy anh H thường xuyên uống rượu. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Mặc dù trong thời gian ly thân, anh H nhiều lần năn nỉ nhưng chị L vẫn không đồng ý đoàn tụ. Nay chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh H yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ. Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh H thấy rằng, anh thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do lỗi của anh nhưng anh vẫn không thay đổi để vợ chồng xây dựng gia đình. Do đó, yêu cầu xin đoàn tụ của anh H là không có cơ sở chấp nhận. Xét tình trạng vợ chồng giữa chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 24-10-2003, hiện đang sống với anh H. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị L đồng ý giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi. Ngoài ra, qua hỏi ý kiến của cháu K có nguyện vọng theo sống với anh H. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu K cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phạm Hoài H.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Hoài H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh K, sinh ngày 24-10-2003 cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị L không cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016177 ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Hưng Thuận;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm